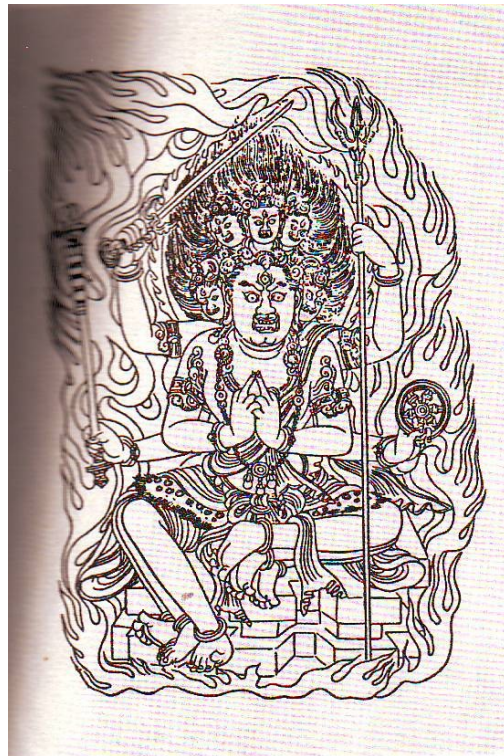


# THỦ ẤN CỦA ĐẠI UY ĐỨC MINH VƯƠNG

Biên dịch: HUYỀN THANH

**Đại Uy Đức Minh Vương** ( Tên Phạn là: Yamàntaka), dịch âm là **Diêm Mạn Đức Ca**, dịch ý là **Tội Sát Diêm Ma Giả**, cho nên biệt hiệu là **Giáng Ma Tôn**; Mật hiệu là **Uy Đức Kim Cang**. Lại xưng là **Đại Uy Đức Tôn, Lục Túc Tôn**. Là một trong năm Đại Minh Vương hoặc trong tám Đại Minh Vương.



Nếu phối trí với năm vị Phật thì là Giáo Lệnh Luân Thân của Đức Phật Vô Lượng Thọ, cũng có thể thấy là sự hóa hiện của Văn Thù Bồ Tát.

Trong Hiện Đồ Mạn Trà La thì Tôn này có vị trí ở bên trái của Bát Nhã Bồ Tát tại Trì Minh Viện thuộc Thai Tạng Giới.

Trong Mật Giáo Tây Tạng, Đại Uy Đức Kim Cang tức là Bản Tôn tối cao của Vô Thượng Mật, có rất nhiều Pháp tu tương ứng với Tôn này rất nhiều với tác dụng chủ yếu phần lớn là: Giáng Phục, trừ Ma và đối trị với hàng Diêm La Tử Ma. Là Chủ Tôn của **Tức Thân Thành Tự** trong Vô Thượng Du Già Bộ.

Trong Mật Giáo Nhật Bản, dùng **Đại Uy Đức Minh Vương** làm Bản Tôn để tu Pháp với số lượng chẳng ít. Thông thường đều dùng ở lúc chiến tranh để cầu xin được thắng lợi, với điều phục nhóm người ác

1\_ Đại Uy Đức Căn Bản Ấn \_ Bổng Ấn:

Hai tay cùng hợp bên trong thành quyền, dựng thẳng hai ngón giữa cùng hợp nhau như hình cây giáo. Tức biểu thị Căn Bản Ấn, cũng đem Ấn Mệnh này làm Bổng Ấn.

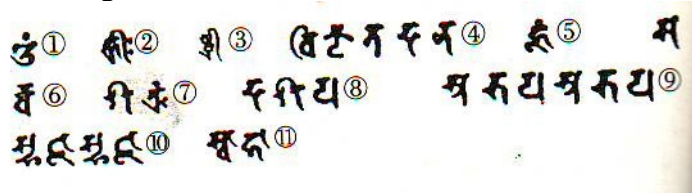


2\_ Đại Uy Đức Nhất Tâm Ấn:

Như Căn Bản Ấn đã nói lúc trước, dương duỗi hai ngón trở rồi co cong lại như Tam Kích Xoa.



Chân Ngôn là:



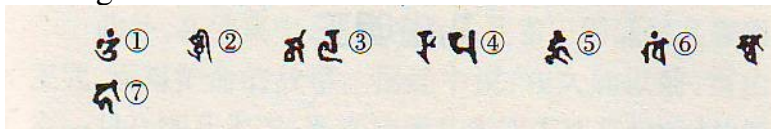
- (1) OM      (2) HRÌH      (3) ṢṬHRI (?ṢṬHRÌ)      (4) VIKṚTÀNANA (VIKṚTADANA)      (5) HÙM      (6) SARVA      (7) 'SATRUM (?'SATRÙM)      (8) NA'SAYA (?DA'SAYA)      (9) STAMBHAYA-STAMBHAYA      (10) SPHAṬ – SPHAṬ      (11) SVÀHÀ

3\_ Đại Uy Đức Tâm Trung Tâm Ấn:

Như Tâm Ấn đã nói lúc trước, dựng thẳng hai ngón trở.



Chân Ngôn là:



(1) OM̐ (2) ṢṬHRĪ (3) HĀLA (?KĀLA) (4) RŪPA (5) HŪM̐ (6)  
KHAM̐ (7) SVĀHĀ

24/12/2008